

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm vào cuối phiên cuối phiên với thanh khoản giảm nhẹ

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL diễn biến giằng co và tăng điểm vào cuối phiên khi triển vọng kinh tế chưa có dấu hiệu thay đổi đáng kể

[Thông tin doanh nghiệp]

HSG, DXG

[Cập nhật công ty]

GAS

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập

04/08/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,254.15	+0.35
VN30	1,277.73	+0.62
HĐTL VN30F1M	1,257.50	+0.60
HNXIndex	297.73	-0.13
HNX30	546.16	+0.04
UPCoM	90.86	+0.60
USD/VND	23,408	+0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.57	+7
Lãi suất qua đêm (%)	4.03	+15
Dầu (WTI, \$)	91.07	+0.45
Vàng (LME, \$)	1,774.39	+0.52



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,254.15 (+0.35%)
KLGD (triệu CP) 724.7 (+9.0%)
GTGD (triệu US\$) 726.5 (-3.3%)

HNXIndex 297.73 (-0.13%)
KLGD (triệu CP) 95.2 (+9.0%)
GTGD (triệu US\$) 73.1 (+1.0%)

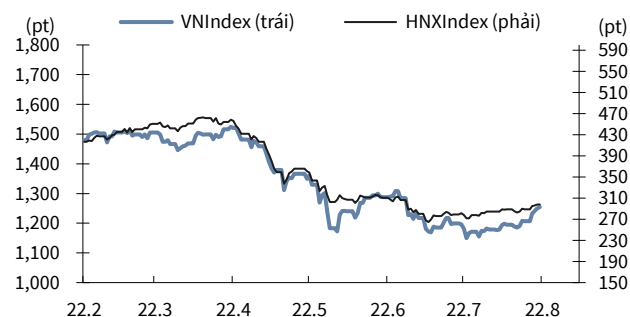
UPCoM 90.86 (+0.60%)
KLGD (triệu CP) 46.9 (-9.3%)
GTGD (triệu US\$) 31.9 (+7.6%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +2.3

TTCK Việt Nam tăng điểm vào cuối phiên cuối phiên với thanh khoản giảm nhẹ. Trong đó, nhóm ngân hàng (BID, VCB), chứng khoán (VND, HCM) dẫn dắt cho đà tăng của thị trường. Khối ngoại tiếp tục mua ròng ở HPG (-0.4%), VHM (+1.8%), VCB (+3.8%).

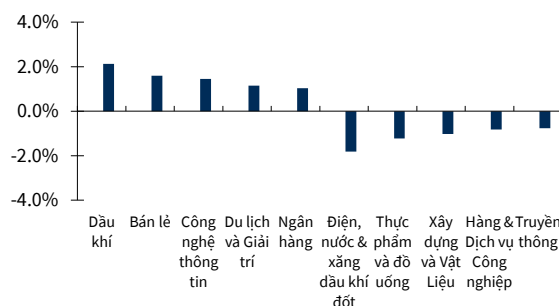
- Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, mặc dù xuất khẩu gạo cạnh tranh khá gay gắt, sản phẩm của Việt Nam ngày càng được ưa chuộng trên thị trường thế giới, xuất khẩu gạo 7 tháng qua đạt 4.19 triệu tấn - mức kỷ lục từ trước đến nay, tương đương giá trị hơn 2 tỷ USD, tăng 20.5% YoY về lượng và 9% YoY kim ngạch xuất khẩu, cổ phiếu ngành gạo tăng ở LTG (+0.6%),
- OPEC+ quyết định tăng nhẹ mục tiêu sản lượng, Iran và Mỹ tái khởi động đàm phán chương trình hạt nhân, giúp phần nào xoa dịu căng thẳng về nguồn cung, giá dầu tiếp tục giảm tác động tiêu cực đến cổ phiếu ngành dầu khí giảm ở PVD (-2.5%), PVS (-2.9%).

VNIndex & HNXIndex



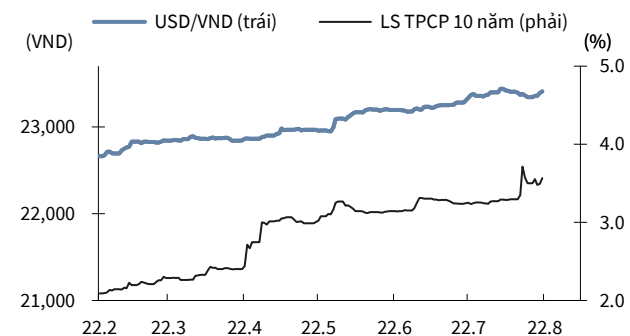
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



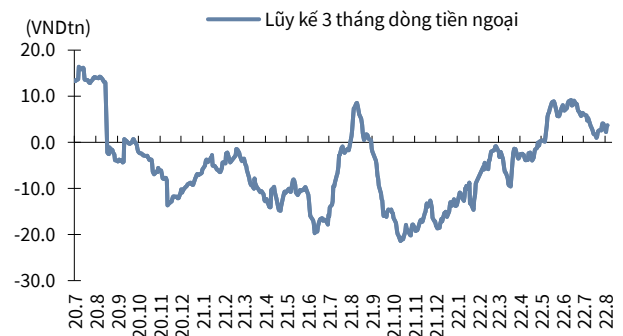
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

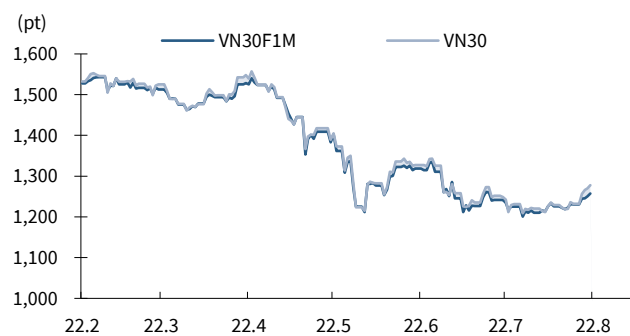
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VVN30	1,277.73 (+0.62%)
VN30F1M	1,257.5 (+0.60%)
Mở cửa	1,256.0
Cao nhất	1,260.0
Thấp nhất	1,252.2

Các HĐTL diễn biến giằng co và tăng điểm vào cuối phiên khi triển vọng kinh tế chưa có dấu hiệu thay đổi đáng kể. Tuy nhiên, chênh lệch F2208 và chỉ số VN30 ở mức cao với biên độ quanh -19.29 điểm cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước đà hồi phục của thị trường cơ sở. Thanh khoản thị trường giảm so với phiên hôm qua.

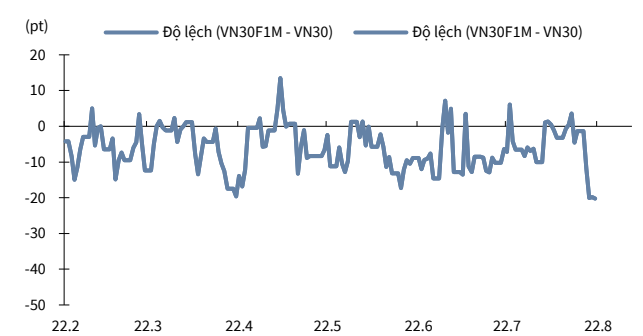
KLGD (HĐ)	195,126 (-11.9%)
-----------	------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



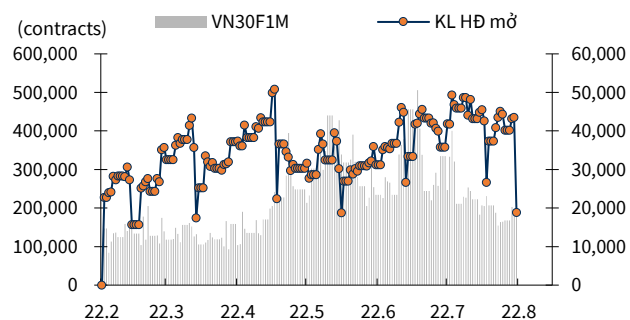
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



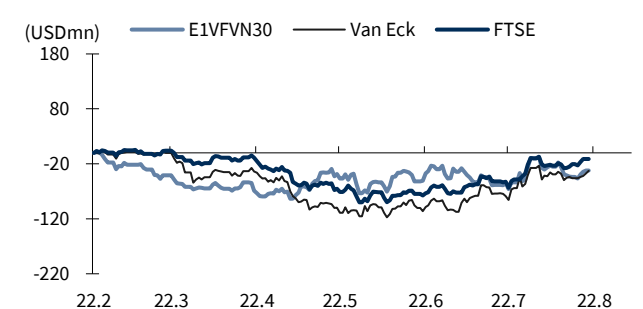
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

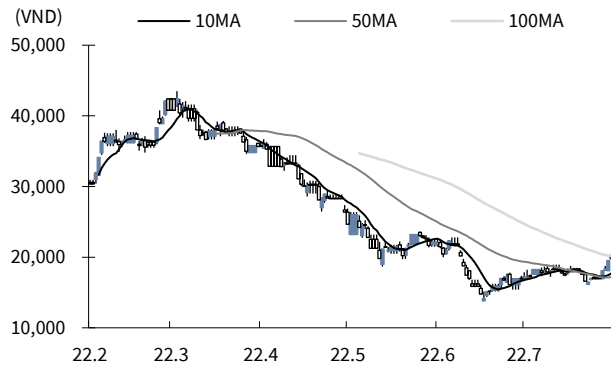
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

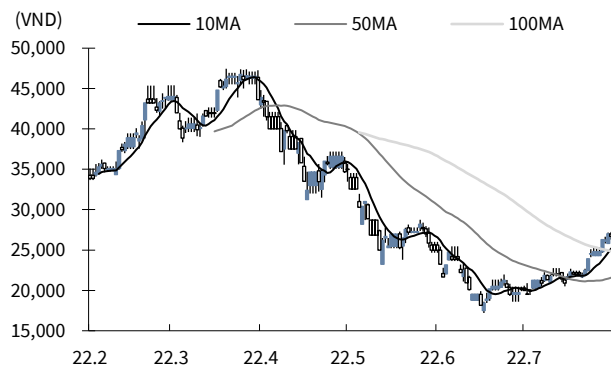
CTCP Tập đoàn Hoa Sen (HSG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HSG tăng 1.79% lên 19,900 VND/cp
- Tập đoàn Hoa Sen công bố quyết định HĐQT triển khai phương án trả cổ tức cổ phiếu niên độ tài chính 2020-2021. Cụ thể, tập đoàn sẽ phát hành 99.7 triệu cổ phiếu để trả cổ tức, tỷ lệ 20% (100 cổ phiếu cũ được nhận 20 cổ phiếu mới).
- Vốn doanh nghiệp sau phát hành dự kiến tăng lên 5,980 tỷ đồng. Thời điểm thực hiện dự kiến trong tháng 9, trước ngày 21/9 và sau khi được UBCK chấp thuận.

CTCP Tập đoàn Đất Xanh (DXG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DXG giảm 1.11% xuống 26,700 VND/cp
- Tập đoàn Đất Xanh công bố báo cáo tài chính quý II với doanh thu thuần 1,549 tỷ đồng, giảm 56.5% YoY, lợi nhuận sau thuế cổ đông công ty mẹ đạt 133.1 tỷ đồng, giảm 55.5% YoY.
- Đất Xanh đã hoàn thành 30.4% kế hoạch doanh thu và 28.8% chi tiêu lợi nhuận năm.

Triển vọng vững chắc

Chuyên viên phân tích – Tiêu Phan Thanh Quang
quangtpt@kbsec.com.vn

04/08/2022

Doanh thu Quý 2/2022 tăng trưởng 21.8% YoY trong khi LNST đạt mức cao nhất lịch sử

Nâng dự phóng giá dầu nhờ vào diễn biến giá tích cực trong 1H2022 và vấn đề về cung cầu dầu thô chưa được giải quyết triệt để

Khách hàng chính của GAS là các nhà máy nhiệt điện sẽ gặp khó khăn trong 2H2022 khi vào mùa mưa nhưng triển vọng sẽ sáng hơn trong 2023

Khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 151,100 VNĐ/cổ phiếu

Trong Quý 2/2022, GAS tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt với Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế đạt lần lượt 27,653 tỷ VNĐ (+21.8% YoY) và 5,141 tỷ VNĐ (+123.4% YoY). Sản lượng của GAS giảm nhẹ so với cùng kỳ với tổng sản lượng khí khô đạt 2.01 tỷ m³ (-1.8% YoY) và sản lượng LPG đạt 465 nghìn tấn (-15.4% YoY).

KBSV dự phóng giá dầu Brent trung bình cho năm 2022 đạt 100 USD/thùng (+41% YoY). Bên cạnh đó với 2 loại hàng hoá dẫn xuất của dầu mỏ thô có tác động tới giá bán của GAS là dầu FO và LPG, chúng tôi cũng lưu ý rằng giá của dầu FO và LPG có độ tương quan chặt chẽ với giá Brent với độ tương quan 5 năm đạt 93.7% với dầu FO. Do đó, đà tăng giá của Brent sẽ tác động tích cực tới FO và LPG, dẫn tới giá bán khí trung bình cao hơn cho GAS.

Theo các dự báo từ các tổ chức khí tượng quốc tế, hiện tượng La Nina sẽ tiếp tục duy trì tới hết năm 2022, đồng nghĩa với việc lượng nước sẽ được đảm bảo cho các nhà máy thủy điện. Tuy nhiên, dự báo cũng chỉ ra rằng kể từ năm 2023, xác suất thời tiết bước vào pha trung tính sẽ tăng lên trên ngưỡng 50%, đồng nghĩa với việc lượng nước về hồ cho các nhà máy thủy điện sẽ giảm bớt so với giai đoạn 2021 – 2022. Điều này hàm ý rằng, 2023 sẽ là một năm có triển vọng tươi sáng hơn với các doanh nghiệp nhiệt điện khí sau giai đoạn La Nina 2021-2022 và chịu áp lực từ các dự án điện năng lượng tái tạo phát triển ồ ạt.

Dựa trên định giá FCF và P/E, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu GAS. Giá mục tiêu là 151,100 VNĐ/cổ phiếu với tổng mức sinh lời là 34.9% so với giá tại ngày 03/08/2022.

Mua

Giá mục tiêu	VNĐ
151,100	
Tăng/giảm (%)	34.9%
Giá hiện tại (15/05/2022)	VND 112,000
Giá mục tiêu thị trường	VND 145,000

Dự phóng KQKD & định giá

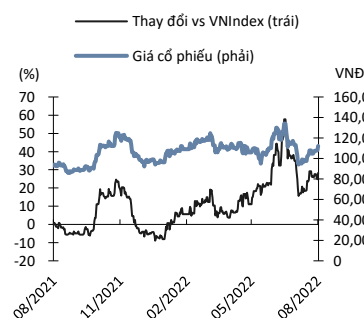
Năm tài chính	2020A	2021A	2022F	2023F
Doanh thu (tỷ VNĐ)	64,135	78,992	105,821	109,661
EBIT	8,694	10,374	17,615	16,470
LN sau CĐTS	7,855	8,673	14,300	13,346
EPS (VNĐ)	4,028	4,356	7,471	6,973
Thay đổi EPS (%)	-34.4	8.1	72.0	-7.0
P/E (x)	10.5	16.6	20.0	21.4
EV/EBITDA (x)	7.1	10.6	14.2	15.1
P/B (x)	1.7	2.7	4.4	3.7
ROE (%)	16.1	17.0	22.4	17.8
Tỷ suất cổ tức (%)	8.4	4.2	2.0	2.0

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	4.2%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ)	119.93
Sở hữu nước ngoài (%)	45.9%
Cổ đông lớn	PetroVietnam (95.8%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
GAS	-4.2	2.1	-0.7	16.3
VNINDEX	-7.5	12.4	18.2	24.9

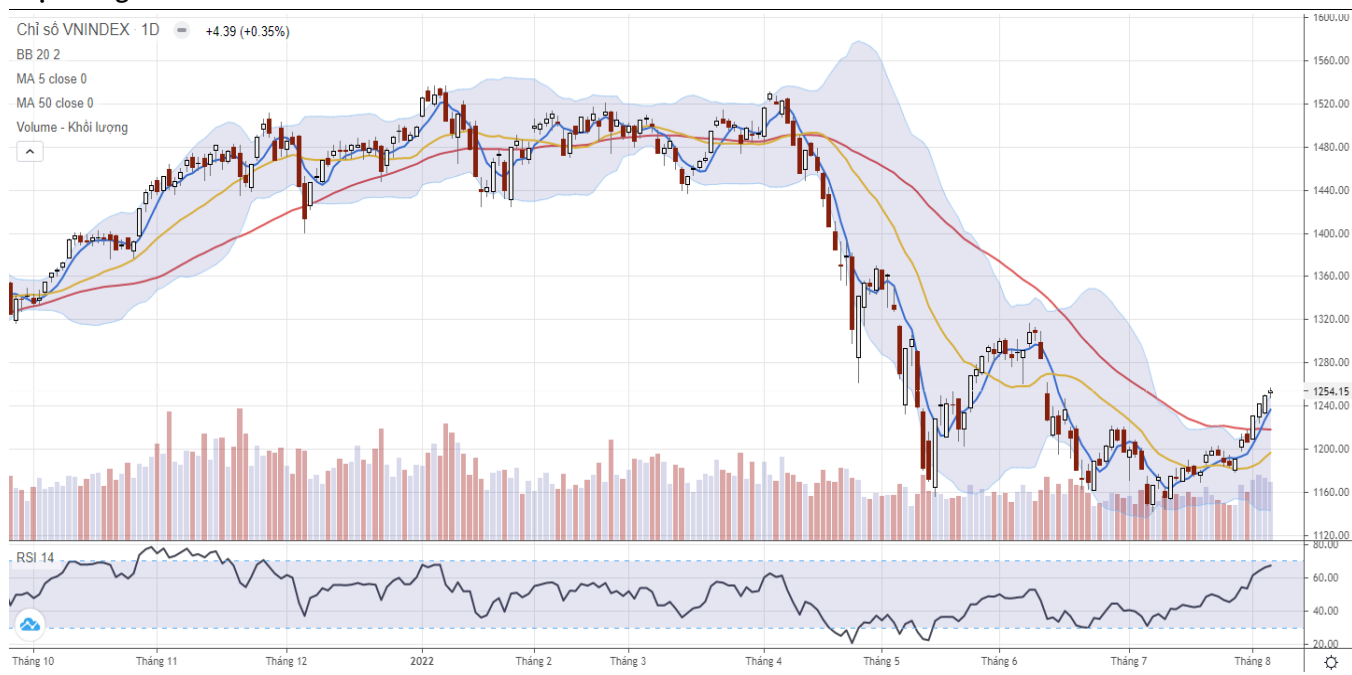


Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

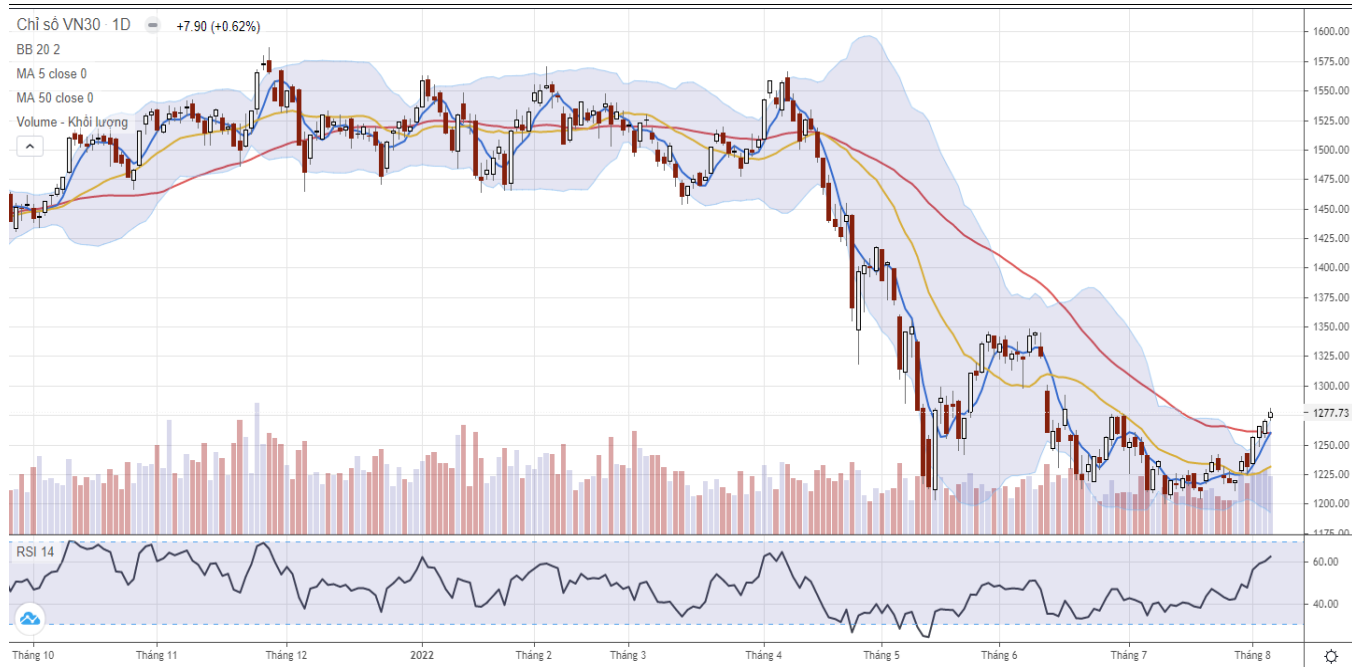
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



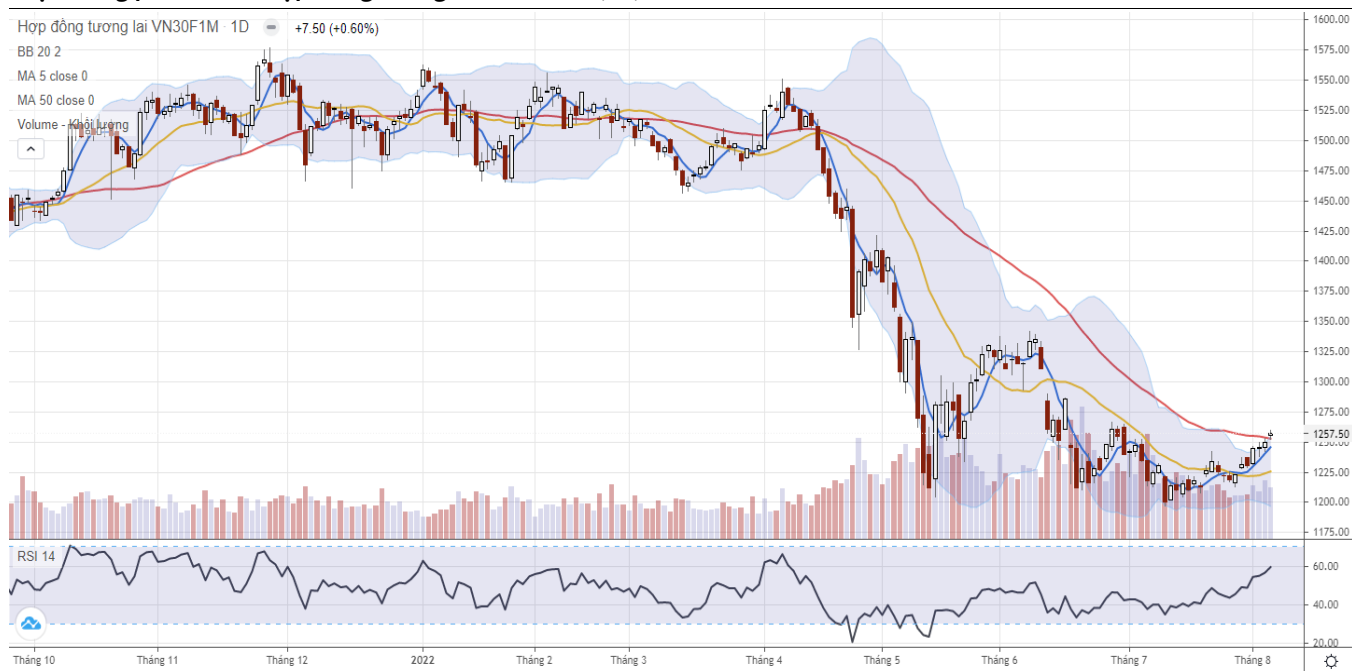
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm giảm co trong biên độ hẹp và hình thành mẫu nến spinning về cuối phiên.
- Sau khi tiếp cận cạnh dưới của vùng kháng cự đáng lưu ý quanh 1260-1280, đà tăng điểm của chỉ số đang có phần chững lại trước áp lực chốt lời ngắn hạn gia tăng. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, vùng hỗ trợ gần quanh 1240 sẽ đóng vai trò điểm đỡ ngắn hạn cho F1 trước khi hồi phục trở lại và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 1280.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các vị thế đã mở và có thể hạ dần tỷ trọng ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản đã đề cập.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1272 - 1276

Kháng cự gần: 1260 - 1264

Hỗ trợ gần: 1239 - 1242

Hỗ trợ xa: 1227 - 1230

- F1 tăng điểm giảm co trong biên độ hẹp và hình thành mẫu nến spinning về cuối phiên.
- Sau khi tiếp cận vùng kháng cự gần quanh 1256-1259, đà tăng điểm của chỉ số đang có phần chững lại trước áp lực chốt lời ngắn hạn gia tăng. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, vùng hỗ trợ gần quanh 1240 được sẽ đóng vai trò điểm đỡ ngắn hạn cho F1 trước khi hồi phục trở lại và hướng lên vùng đích kỳ vọng kế tiếp quanh 127x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở LONG tại các vùng hỗ trợ và mở Short tại các ngưỡng kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ các vị thế Long đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

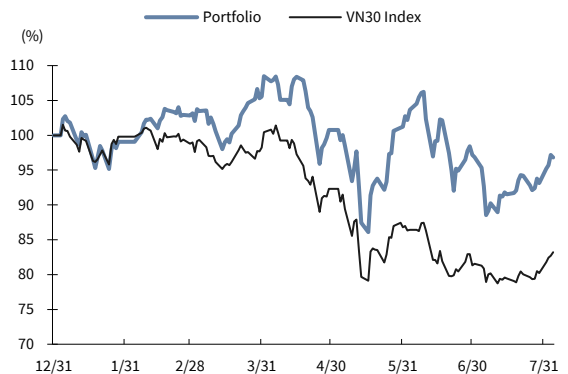
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.62%	-0.38%
Tăng lũy kế (YTD)	-16.80%	-3.18%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 04/08/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	62,700	1.5%	62.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Binh Son Refinery (BSR)	30/06/2022	24,300	-1.6%	-14.7%	- Crack spread sẽ tiếp tục được duy trì ở mức cao - Dự án nâng cấp nhà máy đang được xem xét lại phương án đầu tư
Phu Nhuan Jewelry (PNJ)	22/03/2019	116,000	0.0%	51.3%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	188,000	2.3%	-2.1%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	80,000	-1.5%	170.6%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	86,100	1.5%	254.9%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	28,850	-0.9%	52.6%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	109,000	-2.7%	48.5%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	23,650	-0.4%	112.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbac City Development (KBC)	09/03/2020	37,800	-2.1%	267.9%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VHM	1.8%	23.2%	185.4
HPG	-0.4%	20.3%	91.4
VCB	3.8%	23.5%	67.6
CTG	-0.9%	26.7%	46.3
STB	-1.0%	22.5%	37.7
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
FUEVFN30	0.5%	96.8%	-225.8
E1VFN30	1.4%	91.5%	-161.4
MSN	-1.9%	28.9%	-104.6
KBC	-2.1%	20.0%	-40.6
GAS	-2.7%	3.0%	-32.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TNG	-1.4%	4.1%	0.9
IDC	1.3%	2.0%	0.4
BAX	-0.1%	16.6%	0.4
VCS	0.8%	3.1%	0.1
IVS	0.0%	71.9%	0.1
Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
SHS	0.0%	6.8%	-15.0
NVB	-0.4%	12.1%	-2.0
PVS	-2.9%	8.9%	-1.1
DHT	0.3%	27.3%	-0.9
DP3	0.0%	0.9%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Tài nguyên Cơ bản	9.8%	HPG, HSG
Dịch vụ tài chính	8.2%	SSI, VND
Ngân hàng	5.1%	VCB, BID
Bất động sản	3.7%	VHM, NVL
Hàng cá nhân & Gia dụng	3.2%	PNJ, STK
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-0.9%	IMP, TNH
Bán lẻ	1.2%	FRT, BTT
Ô tô và phụ tùng	1.4%	SVC, TMT
Hóa chất	1.4%	DGC, TNC
Dầu khí	1.4%	PVD, PLX

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	17.6%	VGC, VCG
Dịch vụ tài chính	15.8%	SSI, VND
Hóa chất	12.2%	GVR, DPM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	11.3%	GAS, POW
Truyền thông	10.9%	ADG, YEG
5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-0.4%	MWG, FRT
Du lịch và Giải trí	4.1%	VJC, HOT
Y tế	4.1%	TRA, DMC
Hàng cá nhân & Gia dụng	4.9%	NHT, GDT
Công nghệ thông tin	5.0%	ST8, ITD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	88,187 (3.8)	22.5	276.7	107.3	14.7	8.4	2.3	2.5	2.4	0.6	-0.9	-8.7	-30.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	153,993 (6.6)	26.6	8.8	7.4	35.9	22.4	21.9	1.8	1.5	1.8	7.1	3.3	-23.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	44,539 (1.9)	17.8	29.3	19.1	-7.6	8.1	10.3	2.0	1.9	-0.2	3.2	1.8	-3.7
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	128,230 (5.5)	31.3	28.0	22.2	6.7	15.1	16.4	3.8	3.3	3.0	6.1	6.1	-13.7
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	31,424 (1.3)	11.6	20.7	16.8	13.7	12.9	17.2	2.4	2.1	0.1	2.6	8.9	-15.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	213,827 (9.1)	13.9	14.3	14.1	-	13.5	11.6	1.6	1.6	-1.1	8.8	32.2	-23.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	79,987 (3.4)	6.3	14.5	12.1	11.7	21.3	21.8	2.8	2.4	3.8	9.6	11.3	4.7
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	75,965 (3.2)	12.7	14.9	11.9	-5.3	15.5	17.2	2.1	1.7	0.0	7.7	12.1	5.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	172,113 (7.4)	0.0	6.2	5.3	14.3	20.8	19.8	1.2	1.0	0.7	2.9	5.6	-23.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	120,207 (5.1)	1.4	7.6	6.3	50.3	18.3	20.5	1.2	1.1	-0.9	4.5	8.5	-14.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	281,958 (12.1)	0.0	7.1	6.8	18.8	20.3	17.0	1.3	1.1	1.4	3.5	0.7	-17.9
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	200,895 (8.6)	0.0	6.6	5.4	14.6	23.8	22.7	1.3	1.1	0.2	5.5	9.6	-6.7
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	37,879 (1.6)	4.2	6.9	5.7	23.3	22.9	22.3	1.4	1.1	0.2	2.0	1.4	-19.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	380,561 (16.3)	14.0	12.7	11.5	26.5	11.6	14.9	1.2	1.1	-1.0	3.1	12.8	-20.0
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	52,862 (2.3)	0.0	12.5	7.0	37.4	22.3	21.0	1.4	1.2	2.9	5.9	5.5	-29.8
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	6,096 (0.3)	0.2	-	-	27.3	12.6	11.9	-	-	-0.8	2.0	-5.7	-9.3
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	71,101 (3.0)	21.0	18.2	15.0	15.8	9.0	11.9	1.9	1.7	0.0	3.2	8.8	4.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,832 (0.2)	14.2	14.3	11.6	9.1	13.0	15.2	1.6	1.5	0.3	3.2	-1.0	-33.3
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	424,671 (18.2)	55.4	8.6	8.0	-3.2	19.3	16.4	1.4	1.2	0.0	11.3	16.6	-51.6
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	179,993 (7.7)	71.9	9.5	9.1	-4.0	24.7	20.6	2.0	1.8	-0.9	12.1	19.1	-40.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	189,683 (8.1)	52.4	9.7	9.4	-19.0	18.2	15.9	1.5	1.4	2.4	5.6	18.8	-39.7
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	443,967 (19.0)	27.2	9.1	7.7	36.3	25.7	24.3	2.1	1.7	0.2	12.5	10.4	-36.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	127,472 (5.5)	42.1	17.0	15.6	4.0	28.3	29.3	4.5	4.3	-0.1	1.0	-2.4	-15.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	22,311 (1.0)	36.9	27.7	23.2	7.3	20.0	21.3	5.0	4.5	-2.6	6.9	20.5	22.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	78,251 (3.3)	16.5	24.8	19.5	-51.9	17.4	19.2	3.9	3.3	-1.9	-1.8	0.2	-24.3
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	89,370 (3.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-1.2	5.5	27.0	-44.0
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	62,451 (2.7)	11.0	53.9	18.9	-88.5	8.9	21.6	-	-	1.7	1.4	-0.3	0.7
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	59,935 (2.6)	10.8	18.8	15.3	-57.0	12.1	13.5	2.2	2.0	-2.3	3.2	1.6	9.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	94,586 (4.0)	38.4	7.3	35.4	65.7	14.1	2.6	1.0	1.0	-1.4	3.2	27.2	-55.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	17,275 (0.7)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-3.4	-2.1	-6.9	-79.0
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	186,008 (8.0)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	-2.7	3.8	13.2	-42.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	51,017 (2.2)	3.6	62.9	17.0	-52.4	1.1	3.4	0.6	0.6	2.1	6.2	17.7	-41.8
	REE	REE	51,826	18,419 (800)	78,423 (3.4)	0.0	12.1	10.9	-4.5	16.0	14.2	1.8	1.8	-1.5	3.0	-5.9	33.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	75,042 (3.2)	46.1	15.1	15.3	-17.5	24.2	22.0	3.6	3.3	-2.7	2.5	0.4	13.3
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	35,629 (1.5)	31.4	12.3	11.2	-10.5	15.5	15.4	1.7	1.7	-1.3	-0.2	5.4	-0.2
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	1,032 (0.0)	34.1	21.4	9.5	-5.1	5.9	12.5	-	-	0.3	0.9	0.6	-26.6
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	520,746 (22.3)	18.0	5.1	5.1	21.9	28.6	22.1	1.2	1.0	-0.4	10.5	7.5	-33.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	139,990 (6.0)	36.5	4.6	7.5	-0.5	32.3	19.2	1.4	1.3	-1.8	1.2	-4.6	-5.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	118,311 (5.1)	46.5	6.1	8.8	-4.5	35.7	20.6	1.8	1.6	0.0	5.9	1.3	-11.7
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	138,608 (5.9)	38.9	4.1	4.8	67.9	23.1	15.8	0.8	0.7	1.8	17.1	17.8	-46.8
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	56,375 (2.4)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	-1.6	2.4	9.6	-37.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	25,051 (1.1)	4.6	19.6	16.0	-51.0	11.0	12.4	2.1	1.9	2.9	1.4	4.3	-21.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	19,500	9,854 (428)	85,783 (3.7)	39.9	32.2	16.1	-11.9	1.9	4.1	0.6	0.6	-2.5	1.5	1.5	-29.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	36,358 (1.6)	35.9	8.2	7.2	2.2	14.0	14.7	1.2	1.1	-0.7	6.5	-0.2	-15.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	190,617 (8.2)	0.0	15.2	12.7	14.4	25.7	25.8	3.5	2.5	1.5	1.1	-7.5	-7.7
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	68,299 (2.9)	0.0	17.3	14.0	2.4	23.7	23.2	3.2	2.7	0.0	2.7	-6.3	20.6
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	5,754 (0.2)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.6	-0.2	7.2	-3.3
	FRT	FPT DIGITAL RETA	18,800	2,227 (097)	105,905 (4.5)	30.3	15.9	13.8	-75.2	30.0	27.0	4.2	3.3	2.3	-3.0	13.7	11.1
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	34,229 (1.5)	34.6	9.5	12.2	41.2	32.6	22.8	2.7	2.5	-1.1	2.1	11.3	-3.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	824 (0.0)	45.4	14.3	13.2	10.7	21.6	21.0	2.8	2.5	-0.5	-0.7	3.6	-19.1
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	56,667	61,301 (2,664)	132,334 (5.7)	0.0	18.0	14.8	15.5	26.8	28.3	4.5	3.9	1.5	1.4	-0.7	11.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng
huynd@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
quangtpt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyền
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.